

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 100/2021/DS-PT

Ngày 26-03-2021

“V/v tranh chấp đòi tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Tuyền

Các Thẩm phán: Bà Đinh Thị Ngọc Yến

Ông Nguyễn Thiện Tâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Khổng Văn Đa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duyên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 03 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An mở phiên tòa để xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 35/2021/TLPT-DS ngày 01 tháng 03 năm 2021 về “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 205/2020/DS-ST ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 65/2021/QĐ-PT ngày 09 tháng 3 năm 2021, giữa:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trương Thanh H, sinh năm 1955;

Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện Đ, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Huỳnh Như H1, sinh năm 1962

Địa chỉ: Số 99 ấp 1, xã A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 24 tháng 10 năm 2020)

2. *Bị đơn:* Bà Lê Thị B, sinh năm 1962;

Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện Đ, tỉnh Long An.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Mai Tấn H2, sinh năm 1954;

Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện Đ, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Huỳnh Như H1, sinh năm 1962;

Địa chỉ: Ấp 1, xã A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 20 tháng 11 năm 2020).

4. Người kháng cáo: Bị đơn bà Lê Thị B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 24 tháng 10 năm 2020 của bà Trương Thanh H và lời trình bày của ông Huỳnh Như H là người đại diện theo ủy quyền như sau:

Trước đây (không nhớ rõ thời gian cụ thể), bà Lê Thị B có nợ bà H số tiền là 56.008.000 đồng và 01 lượng 3 phân vàng 24k (98%), số nợ trên bao gồm tiền hụi, tiền vay. Bà B có ký tên trên giấy chốt nợ (không ghi ngày, tháng, năm) bắt đầu bằng dòng chữ “*tiền lời của Mạnh*”, kết thúc bằng dòng chữ “*Trương Thanh H*” có nội dung thể hiện số tiền và vàng bà B còn nợ bà H như trên.

Do bà B không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nên bà H đã làm đơn gửi đến Ủy ban xã Tân Phú, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An để yêu cầu giải quyết. Ngày 05 tháng 6 năm 2009, Ủy ban xã Tân Phú, huyện Đức Hòa tiến hành hòa giải, bà B đồng ý trả cho bà H số tiền và vàng trên nhưng đến nay vẫn chưa thực hiện.

Vì vậy, bà H yêu cầu bà B có trách nhiệm trả cho bà H số tiền 167.292.056 đồng, trong đó gồm tiền vay là 56.008.000 đồng + tiền lãi 136 tháng x 1,2%/tháng và 01 lượng 3 phân vàng 24k 98% trị giá 46.500.000 đồng (45.000.000 đồng/lượng).

Tại phiên tòa, ông H đại diện ủy quyền cho bà H xin rút lại 1 phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu tính lãi với số tiền 64.784.056 đồng. Yêu cầu bà B trả cho bà H số tiền là 102.508.000 đồng (bao gồm số tiền vay 56.008.000 đồng và 01 lượng 3 phân vàng 24k 98% trị giá thành tiền là 46.500.000 đồng).

Bị đơn bà Lê Thị B có lời trình bày như sau: Bà và bà Trương Thanh H có quen biết nhau. Trước đây (không nhớ rõ thời gian cụ thể), bà có nợ bà H số tiền 56.008.000 đồng (bao gồm tiền hụi và tiền vay) và 01 lượng 3 phân vàng 24k (98%). Do bà không có khả năng thanh toán nên bà H đã làm đơn khiếu nại gửi đến Ủy ban xã Tân Phú, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An để yêu cầu giải quyết. Ngày 05 tháng 6 năm 2009, Ủy ban xã Tân Phú, huyện Đức Hòa tiến hành hòa giải, bà đồng ý trả cho bà H số tiền và vàng trên, sau đó bà đã trả cho bà H xong. Hình thức trả bằng cách bà bán đất cho bà H và căn trừ tiền bán đất sang tiền nợ. Tuy nhiên, bà không còn giữ giấy tờ mua bán đất nên không thể cung cấp cho Tòa án, bà cũng không nhớ rõ số tiền bán đất là bao nhiêu vì đã quá lâu. Việc căn trừ nợ không làm giấy tờ và cũng không ai chứng kiến. Bà xác định không còn nợ bà H khoản tiền nào nữa. Vì vậy, không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà H.

Bà xác định giấy chốt nợ ghi bắt đầu bằng dòng chữ “*tiền lời của Mạnh*”, kết thúc bằng dòng chữ “*Trương Thanh H*”, bà không có ký tên. Chữ viết và chữ ký mang tên “*Lê Thị B*” trong tờ giấy trên không phải do bà viết và ký tên nhưng bà có tham gia buổi hòa giải ngày 05 tháng 6 năm 2009 tại Ủy ban nhân dân xã Tân Phú, huyện Đức Hòa; xác định chữ viết và chữ ký mang tên “*Lê Thị B*” tại biên bản hòa giải ngày 05 tháng 6 năm 2009 là do bà viết và ký tên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Mai Tấn H2 do ông Huỳnh Như H đại diện trình bày: Ông Mai Tấn H2 là chồng bà Trương Thanh H. Ông H2 thống nhất toàn bộ nội dung trình bày và yêu cầu của bà H, không có yêu cầu gì.

Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa đã tiến hành hòa giải nhưng các đương sự không thỏa thuận được.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 205/2020/DS-ST ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa đã căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 217, 244, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự; Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà H. Buộc bà B phải trả cho bà H số tiền vay là 102.508.000 đồng (một trăm lẻ hai triệu năm trăm lẻ tám nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Đình chỉ xét xử một phần đối với yêu cầu khởi kiện của bà H về việc yêu cầu bà B trả tiền lãi là 64.784.056 đồng (sáu mươi bốn triệu bảy trăm tám mươi bốn nghìn không trăm năm mươi sáu đồng).

Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà B phải chịu 5.125.400 đồng (năm triệu một trăm hai mươi lăm nghìn bốn trăm đồng).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo; quyền và nghĩa vụ của các đương sự ở giai đoạn thi hành án.

Bản án chưa có hiệu lực pháp luật.

Ngày 11 tháng 01 năm 2021, bà B kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà H.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Nguyên đơn bà H do ông H đại diện theo ủy quyền trình bày: Không đồng ý yêu cầu kháng cáo của bà B. Bà H có nhận chuyển nhượng 03 lô đất của bà B

vào năm 2002 – 2003. Sau khi hòa giải tại Ủy ban nhân dân xã Tân Phú, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An thì bà B không có trả tiền cho bà H và bà H cũng không có nhận chuyển nhượng đất của bà B.

Bị đơn là bà B có lời trình bày: Sau khi hòa giải tại Ủy ban nhân dân xã Tân Phú, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An thì bà có cắt đất diện tích chiều ngang 6m x chiều dài 59m cho bà H để cầm trả số tiền trên, khi đó bà đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà H tự tách thửa, bà không ký tên vào bất kỳ thủ tục pháp lý nào nên bà không còn nợ tiền bà H. Điều đó thể hiện vì sao nợ từ năm 2009 đến nay bà H mới khởi kiện bà, bà không ký nhận vào giấy vay tiền và mượn vàng.

Các đương sự không có thỏa thuận gì khác.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu:

Cấp phúc thẩm thực hiện đúng pháp luật về tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình. Bị đơn kháng cáo đúng quy định tại các Điều 273, Điều 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên đủ điều kiện xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Về yêu cầu kháng cáo: Bà H khởi kiện yêu cầu bà B trả số tiền vay 56.008.000 đồng và 01 lượng 3 phân vàng 24k 98% trị giá thành tiền là 46.500.000 đồng. Bà B không đồng ý trả vì cho rằng đã cắt đất cho bà H cầm trả số tiền trên đã xong. Bà B không ký nợ vay số tiền và vàng trên. Bà H không thừa nhận có việc cắt đất trả nợ.

Nhận thấy, việc mượn tiền và vàng giữa các bên không thể hiện việc ký nhận nhưng tại biên bản hòa giải ngày 05 tháng 6 năm 2009 tại Ủy ban nhân dân xã Tân Phú, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An thì bà B thừa nhận còn nợ tiền và vàng của bà H; đồng thời tại cấp sơ thẩm, phúc thẩm bà B thừa nhận chữ viết và chữ ký mang tên “*Lê Thị B*” tại biên bản hòa giải ngày 05 tháng 6 năm 2009 là do bà viết và ký tên. Như vậy, đủ căn cứ xác định bà B có nợ bà H số tiền 56.008.000 đồng và 01 lượng 3 phân vàng 24k 98%. Bà B cho rằng có cắt đất bán cho bà H để trừ nợ nhưng bán thời điểm nào thì không xác định và bà H cũng không thừa nhận. Tuy nhiên, tại hồ sơ thể hiện bà B có lời trình bày việc bán 03 lô đất có số tiền và có nhận tiền; như vậy không có căn cứ để chấp nhận lời trình bày của bà B là đã bán 03 lô đất để cầm trả nợ với bà H. Bà B kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ nào khác. Đề nghị, bác kháng cáo giữ nguyên án sơ thẩm đối với số tiền buộc bà B trả cho bà H 102.508.000 đồng (một trăm lẻ hai triệu năm trăm lẻ tám nghìn đồng).

Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý xác định quan hệ tranh chấp vụ án là đòi tài sản nhưng tại Quyết định đưa vụ án ra xét xử và tại Bản án xác định quan hệ tranh chấp là hợp đồng vay. Việc xác định quan hệ tranh chấp này liên quan đến việc xác định án phí có giá ngạch hay không có giá ngạch. Tuy nhiên, tại đơn khởi kiện bà H yêu cầu đòi tài sản và tại phiên tòa người đại diện ủy quyền cho bà H

trình bày xác định yêu cầu đòi tài sản. Vì vậy, đề nghị xác định lại quan hệ tranh chấp trong vụ án này là đòi tài sản và tính án phí có giá ngạch là 300.000 đồng là phù hợp với quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, sửa một phần bản án dân sự số 205/2020/DS-ST ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa về phần án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Kháng cáo của bà B hợp lệ nên vụ án được xem xét lại theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về phạm vi xét xử phúc thẩm: Kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm. Căn cứ phạm vi xét xử phúc thẩm quy định tại Điều 293 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án cấp phúc thẩm xem xét nội dung vụ án có liên quan đến kháng cáo.

[3] Về xác định quan hệ tranh chấp: Tại đơn khởi kiện ngày 24 tháng 10 năm 2020 bà H khởi kiện đòi tài sản, cấp sơ thẩm thụ lý xác định quan hệ tranh chấp vụ án là đòi tài sản nhưng tại Quyết định đưa vụ án ra xét xử và tại Bản án xác định quan hệ tranh chấp là hợp đồng vay, tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện ủy quyền cho bà H trình bày xác định yêu cầu đòi tài sản. Vì vậy, cần xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là đòi tài sản.

[4] Xét kháng cáo của bà B thấy rằng: Bà B thừa nhận có việc vay tiền của bà H, biên nhận vay tiền bà không ký nhưng tại biên bản hòa giải ngày 05 tháng 6 năm 2009 tại Ủy ban nhân dân xã Tân Phú, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An thì bà B trình bày còn nợ bà H số tiền 56.080.000 đồng và 01 lượng ba phân vàng 24K 98%, bà B Hứa khi nào bán được tài sản sẽ thanh toán nợ cho bà H và thừa nhận chữ ký tại biên bản hòa giải. Như vậy, xác định tại thời điểm này bà B vẫn còn nợ tiền và vàng của bà H. Tuy nhiên, bà B cho rằng sau đó đã cắt đất đưa cho bà H để cản trừ nợ, bà H không thừa nhận. Bà B cho rằng việc cắt đất giao không có giấy tờ và bà cũng chưa ký bất kỳ thủ tục nào để sang tên cho bà H, bà H tự đi tách thửa nên không có căn cứ cho rằng bà B đã cắt đất cho bà H để cản trừ nợ. Bà B không cung cấp chứng cứ nào để chứng minh cho việc đã trả số tiền trên. Nên án sơ thẩm buộc bà B trả cho bà H số tiền vay 56.080.000 đồng và số tiền 46.500.000 đồng (45.000.000 đồng/lượng) tương đương 01 lượng ba phân vàng 24K 98% là có căn cứ.

[5] Do quan hệ tranh chấp trong vụ án này được xác định là đòi tài sản nên án phí buộc bà B phải chịu là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

[6] Đối với việc bà B cho rằng đã chuyển nhượng đất cho bà H để cản trừ nợ tức không nhận tiền; nhận thấy, đây là mối quan hệ về hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, bà B có quyền khởi kiện bà H về tranh chấp hợp

đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa các bên bằng một vụ kiện khác nếu có yêu cầu.

[7] Từ nhận định mục [4], [5] bác toàn bộ kháng cáo của bà B. Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 205/2020/DS-ST ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An về phần án phí. Đề nghị của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An có căn cứ chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà B phải chịu theo Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[6] Những phần khác của án sơ thẩm đã tuyên không kháng cáo, không kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Bác toàn bộ kháng cáo của bà Lê Thị B.

2. Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 205/2020/DS-ST ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An về án phí.

Áp dụng các Điều 26, 35, 39, 147, 217, 244, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thanh H. Buộc bà Lê Thị B phải trả cho bà Trương Thanh H số tiền vay 56.008.000 (năm mươi sáu triệu không trăm lẻ tám nghìn) đồng và 01 lượng 3 phân vàng 24k 98% trị giá thành tiền là 46.500.000 đồng (bốn mươi sáu triệu năm trăm nghìn đồng). Tổng số tiền buộc bà Lê Thị B phải trả cho bà Trương Thanh H là 102.508.000 đồng (một trăm lẻ hai triệu năm trăm lẻ tám nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thanh H về việc yêu cầu bà Lê Thị B trả số tiền lãi 64.784.056 đồng (sáu mươi bốn triệu bảy trăm tám mươi bốn nghìn không trăm năm mươi sáu đồng).

Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Lê Thị B phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Về án phí dân sự phúc thẩm: Buộc bà Lê Thị B phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí bà Lê Thị B đã nộp theo biên lai thu số 0007344 ngày 15 tháng 01 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An (bà Lê Thị B đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm).

Án xử công khai phúc thẩm có hiệu lực pháp luật thi hành ngay sau khi tuyên án.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND CC tại TPHCM;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Bích Tuyền